

**PHÒNG KHÁM ĐK,CK&ĐN**

**LỊCH TIÊM NGỪA CÁC LOẠI VẮC XIN DỊCH VỤ NĂM 2024**

| Stt       | Tên vắc xin                                     | Chỉ định                                   | Phác đồ tiêm                        | Đường tiêm                | Liều lượng                         |
|-----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nhóm vắc xin, huyết thanh phòng bệnh dại</b> |                                            |                                     |                           |                                    |
| 1         | Verorab ( Pháp)                                 | Mọi lứa tuổi                               | 0,3,7, 28 ngày<br>0,3,7,14, 28 ngày | Tiêm trong da<br>Tiêm bắp | 0,2ml ( 4 liều)<br>0.5ml ( 5 liều) |
| 2         | Abhayrab (Ấn độ)                                | nt                                         | nt                                  | nt                        | nt                                 |
| 3         |                                                 |                                            |                                     |                           |                                    |
| 4         | S.A.R (huyết thanh kháng dại)<br>VN             | nt                                         | Theo cân nặng kg<br>25kg/1 lọ       | Tiêm bắp<br>Thử test      | Kg x 0,2 = ml<br>Kg x 40UI = UI    |
| <b>II</b> | <b>Nhóm vắc xin phòng bệnh viêm gan</b>         |                                            |                                     |                           |                                    |
| 5         | Engerix B (Bỉ) 10mcg                            | ≤ 20 tuổi                                  | 0,1,6 hoặc 0,1,2,12 tháng           | Tiêm bắp                  | 0,5 ml                             |
| 6         | Engerix B (Bỉ) 20mcg                            | > 20 tuổi                                  | 0,1,6 hoặc 0,1,2,12 tháng           | Tiêm bắp                  | 1 ml                               |
|           |                                                 |                                            |                                     |                           |                                    |
| 8         | Heberbiovac 10 mcg (CuBa)                       | ≤ 10 tuổi                                  | nt                                  | nt                        | 0,5ml                              |
| 9         | Heberbiovac 20mcg (CuBa)                        | Trên 10 tuổi<br>(10 tuổi 1 ngày)           | 0,1,6 hoặc 0,1,2, 12 tháng          | nt                        | 1 ml                               |
| 10        | VGA Avaxim 80 - Pháp                            | 12 tháng - 15 tuổi                         | 0,6 tháng                           | nt                        | 0,5ml                              |
|           | Avaxim 160 Pháp                                 | > 15 tuổi                                  | 0,6 tháng                           | nt                        | 0,5ml                              |
| 11        | VG A Havax 0,5 ml -VN<br>Havax 1 ml-VN          | Từ 24 th - < 18 tuổi<br>Từ 18 tuổi trở lên | 0,6 tháng                           | nt                        | 0,5ml                              |
| 12        | Twinrix (VG A-B)<br>Bỉ                          | Từ 12 tháng - 15 tuổi<br>> 15 tuổi         | 0,6 tháng<br>0,1,6                  | nt                        | 1ml                                |

|            |                                                               |                                                                                   |                                                                          |              |                                |
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|
| <b>III</b> | <b>Nhóm vắc xin phòng bệnh viêm não, màng não<sup>i</sup></b> |                                                                                   |                                                                          |              |                                |
| 13         | Jevax (VN)                                                    | Từ 12 tháng tuổi                                                                  | 0,10 ngày, 12 tháng                                                      | Dưới da      | < 3 tuổi 0,5<br>Từ 3 tuổi: 1ml |
| 14         | Imojev ( Pháp)                                                | Từ 9 tháng tuổi                                                                   | 0 - 1 năm                                                                | Dưới da      | 0,5 ml                         |
| 15         | VA-Mengoc BC (Cuba)                                           | Từ 6 tháng – 45 tuổi                                                              | 0,2 tháng                                                                | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| 16         | Jeev VNNB thể hệ mới<br>( Ấn độ)                              | Từ 12 th – < 3 tuổi<br>Từ 3 tuổi – 49 tuổi                                        | 0,1 tháng<br>0,1 tháng<br><i>Nhắc lại sau 1 năm (&gt;18t)</i>            | Tiêm dưới da | 0.5 ⇔ 3mcg<br>0,5 ⇔ 6mcg       |
| 17         | Menactra A,C,Y,W (pháp)                                       | Từ 9 tháng – 55 tuổi                                                              | 9 th - <24 th: 2 liều cách 3 th<br>Từ 24 th - 55 tuổi : 1 liều           | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| <b>IV</b>  | <b>Nhóm vắc xin phòng bệnh phối hợp</b>                       |                                                                                   |                                                                          |              |                                |
| 18         | Infarix Hexa ( 6 in 1) Bỉ                                     | Từ 2 tháng tuổi                                                                   | 0,1,2 nhắc tới 18 tháng                                                  | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| 19         | Hexaxim ( 6 in 1) Pháp                                        | Từ 2 tháng tuổi                                                                   | 0,1,2 nhắc tới 24 tháng                                                  | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| 20         | Infarix- IPV-HiB ( 5 in 1) Bỉ                                 | Từ 2 tháng                                                                        | 0,1,2 nhắc sau mũi 3 6 tháng                                             | nt           | 0,5ml                          |
| 21         | Synflorix (VP-VMN-NTH-VTG)<br>Bi                              | Từ 2 tháng – 6 th<br>Từ 7 tháng – 11 th<br>Từ 12 tháng – 5 tuổi                   | 0,1,2 và 6 th sau mũi 3<br>0,1, năm tuổi thứ 2.<br>0,2 th                | nt           | 0,5ml                          |
| 22         | Prevenar 13<br>(Pfizer-Mỹ)                                    | Từ 6 tuần – 6 th<br>Từ 7 tháng – 11 th<br>Từ 12 tháng – 23th<br>Từ 2 tuổi trở lên | 0,1,2 th và 15 tháng<br>0,1 tháng và >13 th.<br>0,2 th<br>1 lần duy nhất | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| 23         | Quimi-Hib                                                     | Từ 12 th – 15 tuổi                                                                | 1 liều                                                                   | nt           | 0,5ml                          |
| 24         | MMR ( ấn độ)                                                  | Từ 12 th – 10 tuổi                                                                | 1 liều, nhắc lại sau 5 năm                                               | Tiêm bắp     | 0,5 ml                         |
| 25         | MMR-II ( Mỹ)                                                  | Từ 12 tháng tuổi                                                                  | 1 liều, nhắc lại sau 5 năm                                               | Tiêm bắp     | 0,5ml                          |
| <b>V</b>   | <b>Nhóm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung</b>                  |                                                                                   |                                                                          |              |                                |
| 26         | Gardasil 4 nữ ( Mỹ)                                           | Từ 9 - 26 tuổi                                                                    | 0,2,6 tháng                                                              | nt           | 0,5ml                          |
| 27         | Gardasil 9 nam,nữ (Mỹ)                                        | Từ 9 - 45 tuổi                                                                    | 9 - 14 tuổi: 0,6 tháng<br>Từ 15 - 45 tuổi: 0,2,6 th                      | Nt<br>nt     | 0,5ml<br>0,5ml                 |

| <b>VI</b> | <b>Nhóm vắc xin phòng bệnh khác</b> |                                            |                                                     |                   |                     |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 28        | Rotarix (viêm dd ruột) Bỉ           | Từ 6 tuần - 6 tháng                        | 0,1 th                                              | Uống              | 1,5ml               |
| 29        | Rotateq (viêm dd ruột) Mỹ           | Từ 7,5 tuần - 6 tháng                      | 0,1,2 th                                            | nt                | 2ml                 |
| 30        | Rotavin-M1 (VN)                     | Từ 6 tuần - 6 tháng                        | 0, 1 - 2 th                                         | nt                | 2 ml                |
| 31        | Varicella (thủy đậu) Hàn            | Từ 12 tháng                                | 0, 2 th                                             | Tiêm dưới da      | 0,5ml               |
| 32        | Varivax (Mỹ)                        | Từ 12 th - 12 tuổi<br>Trên 12 tuổi         | 0,3 th<br>0, 2 th                                   | nt                | 0,5ml               |
| 33        | Vaxigip tetra(cúm tứ giá)<br>Pháp   | Từ 6 th tuổi - 8 tuổi<br>Từ 9 tuổi trở lên | 0,1 tháng<br>1 liều/năm                             | Tiêm bắp          | 0,5ml               |
| 34        | Influvac tetra (cúm tứ giá) Hà Lan  | Từ 6 th tuổi - 8 tuổi<br>Từ 9 tuổi trở lên | 0,1 tháng<br>1 liều/năm                             | nt                | 0,5ml               |
| 35        | Gcflu (cúm tứ giá) HQ               | Từ 6 th tuổi - 8 tuổi<br>Từ 9 tuổi trở lên | 0,1 tháng<br>1 liều/năm                             | nt                | 0,5 ml              |
| 36        | Ivacflu-S (VN)                      | Từ 18 tuổi – 60 tuổi                       | 1 liều/năm                                          | nt                | 0,5ml               |
| 37        | Typhi vi (thương hàn) pháp          | Từ 24 tháng                                | 1 liều / mỗi 3 năm                                  | Tiêm bắp          | 0,5ml               |
| 38        | SAT (VN)<br>(huyết thanh uốn ván)   | Mọi lứa tuổi,<br>Không tiêm lúc có thai    | 1 liều                                              | Tiêm bắp,<br>test | 0,5ml<br>hay 1500UI |
| 39        | VAT (uốn ván) VN                    | Mọi lứa tuổi và<br>thai phụ                | -Chưa tiêm: 0,1,7 tháng<br>-Đã tiêm: tùy trường hợp | Tiêm bắp          | 0,5ml               |

---